

VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN

音 圖



Danh sách viên ban Trị-sự Tỉnh-hội năm 1942

Chức vụ	Danh tánh	Chức nghiệp
Chánh Hội Trưởng	Hoàng-mộng-Lương.	Médecin-chef à quang-ngại
Phó Hội Trưởng	Trương-quang-Luyện.	Thầu khoán
Chánh tịch Cố vấn	Louis Liverset	Quan chánh Liêm-phông
Chứng-minh Đạo-sư	Trần-diệu-Quang,	Tăng-cang chùa
Chánh Thư-ký	Tạ-linh-Nha,	Thỉnh Thị h
Phó Thư ký	Trần - Bình	Phó đốc Ngân-hàng
Chánh Thủ quỹ	Nguyễn-thiếu-Phương.	Thừa-phái Ty-phiscal
Phó Thủ quỹ	Lê-dinh-Bác,	Kế-toán Nón-lương
Kiểm sát tài chánh	Nguyễn-Cư	Phán-sự Lục-lộ
Cố vấn	Đoàn-Từ,	Phán-sự Tòa-sư
» »	Châu-văn-Phy,	Tham-lá Tòa sư
» -	Lê-hoàng-Hà,	Kinh Lịch
- -	Tôn-thất-Kiều,	Tạm phái
Kiểm sát	Mai-văn-Chế	Ban-lá thành phố
- -	Tạ-Hoàng,	Hương-lô Trĩ-sự
- -	Hoàng-cúc,	Thống-sự diễn báo
Trù trì Hội quán	Từ-phước-Hải	Phán sự Cảnh-cước
Trưởng ban Hộ niệm	Lê-quang-Quỳên,	Thầy Tăng-già
Ban Khảo cứu	Huỳnh-quang-Ngô,	Thương gia
- - -	Nguyễn-ngọc-Thương,	Thông-sự Địa chánh
- - -	Phan-dinh-Thi,	Thừa-phái Ty-phiscal
Ban Tuyên truyền	Đặng-thế-Trình,	Thừa-phái Ty n ết
- - -	Hoàng-khắc-Chánh,	Tây Y-sĩ
- - -	Lê-hồ-Chương,	Phán-sự Thiên-văn
		Thông-sự Y thủ

DUY - THỨC

(Tiếp theo)

**Dùng chiêm-nghiệm và lý-đoán để biết rõ
lối chia thức-tâm ra tám thức là triệt-đề.**

Hiện ta biết, thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc; cái biết ấy tả kêu trung là cảm-giác; nhưng cảm-giác ấy không đồng, như thấy không phải là nghe, nghe không phải là ngửi, vì sự cảm-giác không đồng ấy nên chia ra làm năm thức là: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân.

Nhưng đối với ý-thức thì ngũ thức có một tánh-cách giống nhau.

Như trong phòng tối, nếu có một tia điện lờ mờ này ra trong khoảng 1/100 giây thì mắt chúng ta không phân-biệt được gì, nhưng vẫn thấy cảnh phòng trong lúc tia điện sáng khác với cảnh phòng trong lúc tối. Sự nhận biết mờ-màng ấy là nhãn-thức.

Nay nếu cứ mở tia điện ấy nhiều lần, nếu ta chú-ý vào một góc phòng thì ta dần dần nhận được rõ ràng hơn, ta sẽ thấy ở trong góc ấy có một cái ghế, lại là cái ghế màu vàng, ghế sắt hay ghế gỗ v...v... Vì sao ta biết được như thế, vì ta chú-ý. Nhờ sự chú-ý ấy ghi nhớ các hình-giáng đã nhận được trong các lần tia điện mờ, *chắp nối các hình-giáng ấy rồi lại đem hình-giáng ấy so-do với các hình-giáng đã nhận thấy trước kia mà biết được trong góc phòng có cái*

ghế. Sự so-đo ấy rất dễ nhận biết nếu ta thí nghiệm thế này :

Trong góc phòng có đặt bàn, trên đề một con chồn độn rom. Nếu trong phòng có một người Mọi, một đứa trẻ, và một nhà chuyên môn làm đồ độn rom, thì sau lúc mở tia điện nhiều lần ; nếu ta hỏi, người mọi sẽ nói trên bàn có con chồn, đứa trẻ nói con mèo, duy nhà chuyên làm đồ rom có thể nói là con chồn giả mà thôi. (lý do vì sao sau sẽ cắt nghĩa)

Vậy ý-thức có thể so-đo các hình-ảnh đã nhóm gộp từ trước, kết cấu lại đề *lạ ra những hình-ảnh mới*.

Những hình-ảnh ý-thức đã dùng ấy không phải chỉ riêng một thức đã thu nhận mà có thể là hình-ảnh của tất cả 5 thức đã nhận được. Như khi nhãn thức chỉ nhận được một vết xanh, mà ý-thức đem so-đo với hình-ảnh trước đã biết vết xanh ấy mềm hay cứng, nó ở đâu ra, nó có công dụng thế nào, rồi tức thời biết đó là một cái lá, lại là một lá thiết, một lá vẽ hay là một lá giả v.v.... Sự chấp nối ấy làm một cách quá mau thành chúng ta ít khi tự biết.

Cũng như lúc đọc sách, mắt chỉ thấy giấy trắng có hình đen ngòong-ngheo mà ý-thức đã kết thành tiếng đọc của chữ, tưởng-tượng thành hình-ảnh của chữ ấy chỉ.

Vậy tánh cách chung của năm thức là nhận biết một cách mơ màng, không phân-biệt ;

còn của ý-thức là rõ ràng, có tánh cách phân-minh ; đầu có lúc cái hình-ảnh, cái tánh cách ý-thức chiếu ra đó không đúng với sự thực cũng mặc, như trong thí dụ con chồn độn rơm để trong góc phòng vậy.

Ngũ-thức « thô-sơ » « thực-thả » nên *chỉ nhận cái gì đúng theo hình-ảnh của nó*, như nhận thấy tối khác với sáng, còn ý-thức có thể nhận biết rằng sáng chỉ đối đãi với tối mà có, nếu không có sáng thì tối cũng không, nếu không có tối thì sáng cũng không có ; nhờ sự lạnh-lợi ấy mà ý-thức nhận hiểu được các danh-từ, số-mục, cùng các cảnh hiện không có. Nhờ ý-thức mà người có thể tưởng - tượng đến các cảnh địa-ngục, thiên-đường, niết-bàn v.v...

Nhưng vì sự lạnh-lợi đó mà lắm khi ý-thức lằm, như khi mắt chỉ thấy một cái nón trên cái tôi, ý-thức đã tưởng rằng một người mang tôi đội nón, không biết đó có thể là một người già.

Lại ta thường nghiệm thấy ý-thức không vận-dụng luôn, như lúc ta không suy nghĩ gì, như lúc ta ngủ, những lúc ấy ý-thức không làm việc nên gọi nó gián-đoạn.

Nhưng gián-đoạn như thế, thì sau làm sao lại phát ra được ?-Vậy thiết-tưởng như mặt bể có gió làm cho nổi sóng, hồi nước nhỏ lên thì gọi là có sóng, hồi lặng xuống thì gọi là hết sóng, nhưng nếu sóng hết cái *thể phát ra sóng vẫn phải thường còn*, vì thể ấy thường còn mới lại phát ra sóng được, theo lẽ ấy thì biết ý-thức gián-đoạn,

tất phải có một thức khác thường còn làm cái chỗ phát khởi ra ý-thức ; *thức ấy là thức gì ?*

Lại nữa, trước kia trong cuộc chiêm nghiệm « con chồn rom » ta thấy người Mọi chưa hề thấy chồn rom, nhưng đã thấy chồn thiết, nay ý-thức so-sánh các sự đã kinh-nghiệm với cái hình-ảnh hiện-tại, mà phát ra hình-ảnh con chồn thiết. Vậy công dụng của ý-thức là so-sánh các hình-ảnh, các sự kinh nghiệm và tạo ra hình; nhưng các « hình-ảnh » đã thấu-nhận trước kia, các đều đã « kinh-nghiệm » ấy đã *chất chứa vào chỗ nào*, mà ngày nay ý-thức lại đem ra được ?

Cất trong ngũ-thức và ý-thức chẳng ? ngũ-thức gián-đoạn, như lúc chú-ý thấy thì không nghe, lúc suy nghĩ, lúc nhập-định thì không thấy; ý-thức cũng gián-đoạn, nếu cất vào ý thức thì lúc ngủ mê, ý-thức không vận dụng, tất nhiên các đều kinh nghiệm ấy mất đi, lúc sau ý-thức nổi lại, còn làm thế nào mà đem ra được nữa ?

Vậy tất nhiên các đều kinh nghiệm ấy đã cất vào một nơi *thường còn*, nơi ấy có thể *giữ gìn các đều đã kinh-nghiệm*. Thức ấy là tạng-thức, hay a-lại-da-thức, hay bát-thức, hay căn-bản thức nghĩa là cái thức làm *căn-bản phát-sanh tất cả các thức khác*.

Theo sự chiêm nghiệm và lý-đoán, ta vẫn nhận rõ có bát thức, vậy bát thức là chỗ chứa nhóm các đều đã kinh-nghiệm, đã huân-tập nghĩa là các *chủng-tử*. Nhưng thức này rộng lớn, người chưa giác-ngộ không nhận biết được.

Chúng ta đã nhận rõ ý-thức rất lạnh-lẹ có thể nghĩ tới đủ cảnh-giới, như hiện nay ta vẫn in trí có ta, có cảnh; mà ý-thức có thể nghĩ tới cảnh vô-ngã, vô pháp, nghĩa là không có chi gọi là ta, không có chi có thiết thể; mỗi lúc ý-thức nghĩ-ngợi đến đều ấy thì tất đang duyên với các cảnh vô-ngã vô-pháp, và đang huân-tập các đều ấy cho một thức khác không gián-đoạn, cái thức này phải có tánh cách *gìn-giữ được các đều huân-tập* ấy, mà hơn nữa, còn phải có tư cách nhận được sự huân-tập; nghĩa là muốn nhận được sự vô ngã, vô-pháp chính-thức ấy cũng phải trông-rông không có thành kiến nhận có ngã, có pháp. Cũng như hư-không, không có mùi gì mới có thể hóa thơm mùi trầm, nếu ta đốt trầm, hóa thơm mùi nước hoa, nếu ta rải nước hoa chứ !

Cái thức ấy đã không có thành-kiến nhận có ngã có pháp; ý-thức lúc ấy cũng nghĩ đến vô-ngã vô-pháp, cũng không nhận có ngã có pháp. Nhưng lúc ấy nếu có người đập ta thì ta liền *biết ta bị đập*. Vậy thì cái chi biết được sự có “cái ta” ấy ? Ngũ thức chỉ biết có cảm giác mơ-màng, là sự xúc-động, chứ không hề biết có cái « ta » bị xúc-động. Vậy tất nhiên phải có một thức khác với đệ lục-thức mà *không vô-tánh* như « thức có thể huân-tập » kia; thức ấy có thành kiến là « có ta » và *cứ thăm nhận có « ta »*, mặc dầu ý-thức nghĩ rằng « không ta ». Thức ấy là mặt-na thức hay đệ-thất thức; còn thức có thể huân-tập là tạng-thức hay bát thức. Theo đều kinh-nghiệm của các vị thuyên định thì lúc nhập diệt-tận-định, phần nhiệm của thật-thức không còn nữa mà người vẫn sống, đệ

thất thực đã gián-đoạn tất như ngũ thực. ý-thực, không có thể giữ các đều đã kinh-nghiệm được.

Nói tóm lại ngũ thực chỉ biết sự cảm xúc một cách mơ-màng ; ý-thực có thể duyên với đủ tất cả cảnh-giới, tạo đủ cảnh-giới; Đệ thất - thực chỉ biết chấp « ngã »; bát-thực thì trống-rỗng, thường còn, có thể chứa nhóm tất cả các chủng-tử, và chứa đủ tất cả chủng - tử. *Nhưng đệ thất - thực nhận cái chi làm ngã ?* « Ngã » cần phải thường còn tiếp-tục, vậy không thể nhận đệ ngũ-thực và ý-thực làm ngã được; tất nhiên nhận đệ bát-thực làm ngã. Nhưng đệ bát-thực theo như trên đã nói huân-tập khác nhau, như đứa trẻ chỉ thấy mèo, nên không thể biết chồn, người mọi chỉ thấy chồn thiệt nên không thể biết chồn rơm, vì sự huân-tập từ xưa sai-khác cho nên cái tạng-thực của hai người ấy cũng sai khác nhau, chính sự sai khác ấy tạo thành ra nghiệp các loài. Ta có thể ví đệ bát-thực như mạch nước, đệ thất-thực như thành giếng, khoãn nước thu trong thành giếng như A-lại-gia-thực (nghĩa là phần đệ bát-thực bị đệ thất-thực nhận làm ngã) khoãn nước ấy vốn đồng thể với nước mạch, nhưng tự trung hình-giáng có sai khác ; lại nước trong giếng hình như đứng yên, thiệt ra nó lưu-chuyển mãi mãi không dừng. Vì thế nói nước trong giếng là thiệt khác, hoặc thiệt không khác nước mạch, hoặc thường, hoặc không thường đều sai.

Nhơn đây ta nghiệm biết A-lại-gia thực thể-tánh vốn thường mà hiện trạng không thường, sự không thường đó là do các duyên huân-tập vậy.

Vì thế nên bậc đã giác-ngộ nhận-biết tâm-thức vô-thường, nên nói « Vô-ngã »; còn người phạm-phu không nhận được sự biến-dịch đồ, nhận chắc có ngã, và hoặc cho ngã là thường mà hoá tham, sân si mạn v.v... Hoặc cho ngã là đoạn (có thể tiêu mất) mà không hiểu được luật nhân-quả, gây ác hơn chịu ác báo.

Kết luận

Ta nhận thấy trong các thức đều có hai phần năng-tri (biết) và sở-tri (bị-biết) như nơi nhãn-thức có : thấy (biết) và sắc trần (bị thấy), nơi nhĩ-thức có : nghe và tiếng; nơi tỷ-thức có : ngửi và mùi, nơi thiệt-thức có : nếm và vị, nơi thân-thức có cảm-xúc và vật cảm-xúc,

Nơi ý-thức cũng có sự biết suy-nghĩ và đều suy-nghĩ, còn đối với ý-thức trong lúc mộng lúc nhập định, thời rõ ràng có cảnh bị biết và sự nhận-biết. Cảnh của ý thức thường do tất cả năm trần (sắc, tiếng mùi, vị vật cảm-xúc) nhóm thành.

Nhơn đó ta nhận rõ các thức đều có hai phần đều nhau không hề rời, đều chia chẻ đến đâu cũng thế : hai phần ấy là biết và bị-biết. Vậy để bát-thức làm căn-bản phát ra các thức tất cũng đủ hai phần ấy. Theo luận duy-thức thì hai phần ấy là kiến-phần (nhận biết) và tướng - phần (cảnh); theo Kinh Thủ-lăng - Nghiêm thời hai phần ấy là Minh và Diệu, Minh là nhận biết, Diệu là tướng trạng biến ra :

Như thế biết và bị-biết không phải là hai ; nếu nhận ra có cái « ta biết » riêng đối-lập với cái « bị-biết » riêng là nhận lầm. là một thành kiến nhận càng, không phải một sự tin đã có xét đoán minh-mẫn. Những người nhà quê xứ ta thường tin cổ hóa cá, mèo hóa chồn, cũng như người Âu đời Trung-cổ tin dê rách hóa chuột, sự-tin vô-lý ấy cha truyền con nối lâu đời hóa ra một thành

kiến nặng-nề và vững chắc không ai dám phá : đến khi có người sáng suốt nương biện-luận rõ ràng chiêm-nghiệm chân-thật phá được, thời các điều tin ấy thành Mê-tin. Sự tin có la, có cảnh cũng là một thành kiến như thế, và chính nhờ đức « Giác-ngộ » chỉ dạy mà ta mới dám nhận đó là một lỗi mê-tin.

Nhờ những nhơn duyên đặt biệt mà Đức Thái-Tử Thích-ca đã ra đời trên cõi Ta-bà, với một nghị lực phi thường, Ngài đã chứng suốt các cảnh định, phá tan ngũ ấm, chứng đạo Bồ-đề, nhận rõ chọn-như (sẽ cắt nghĩa trong số sau) vạch bày chọn-tâm, vọng-tâm, chỉ rõ lý vô-ngã vô pháp gây một nhơn-duyên hết sức quý báu để phá mê trừ khổ cho chúng sanh. Sau lại nhờ các vị Bồ-lát như Ngài Thiên-Thân và Vô-Trước tùy căn cơ chúng sanh lập tôn Duy-thức dùng lý-luận rành-mạch chỉ rõ lý ấy để hóa độ chúng sanh, nhờ thế chúng ta ngày nay mới còn hưởng chút ảnh-hưởng của Phật, ta mới dám bỏ qua mà không lo tu-lập sao ?

Như trên đã xét rõ tánh cách và công-dụng các thức, ta biết rằng ta muốn thay đổi cảnh-giới thế nào cũng được, cho đến sự phá triệt để các lỗi mê-tin có-ngã, có pháp, miễn biết huân-lập bát-thức cho đúng phương-pháp.

Trong việc huân-lập này, ngũ thức ý-thức, đệ thất-thức đều có dự, song sức ý-thức huân-lập mạnh-mẽ hơn nhiều.

Thất-thức hoàn-toàn sai-lầm vì nhận có ngã, có pháp, sự chấp-trước ấy do sức huân-lập sai-lầm từ lâu đời. Muốn trừ bỏ sự chấp-trước của thất-thức, cần phải dùng lục-hức quán lý vô-ngã, vô-pháp, khởi hành theo lý vô-ngã, vô pháp để luôn luôn huân-lập đệ bát-thức. Nếu huân-lập mãi như thế, lần lần đệ bát-thức sẽ chứa nhóm toàn la u mê vô-ngã, vô pháp thời các chủng-tử chấp-ngã, chấp-pháp trước kia sẽ bị lấn át không hiện hành được, nhờ thế phần mê của đệ thất-thức

không vận dụng, làm cho chúng sanh thoát ly tất cả các nỗi khổ vì mê-làm có ngã-tướng-tượng xô-xát với cảnh-tướng-tượng; thoát ly được đều ấy tức thoát khỏi sanh, tử, luân hồi; và trí sáng suốt nhận hiểu tất cả lý-do sự chuyển biến của sự vật, chứng được niết-bàn, thành bậc vô thượng chánh-đẳng chánh-giác, hóa độ chúng sanh trong mười cõi.

PHẠM-HỮU-BÌNH

trong đoàn Phật-Học Đức-Dục

ĐÍNH-CHÁNH

Số 50 trang 4, giòng 27 :

« có phương phần thì đồng như hư-không . . . »
xin đọc là : « có phương phần thì còn có thể chia chẻ được nữa, như thể cực-vi do nhiều chất nhỏ hơn nhóm thành,—cũng chỉ là một vật giả hiệp chứ nào có thiệt thể; Nếu không có phương-phần thì đồng như hư-không v.v

KINH DU'ỢC-SU'

Lưu-Lý-Quang-Vương Như-Lai

bồ-nghệ công-đức

Đức Từ-phụ Thích-ca mâu-ni của chúng ta giữa thế giới Ta-bà ác-trước này hiện thân tu thành chánh-đạo chứng quả Bồ-đề; kiến-lập đạo-tràng thanh-tịnh, nói vô-lượng pháp-môn chánh-đáng, bồ-ý của ngài là cứu-độ chúng-sanh thoát vòng sanh, lão, bệnh, tử. Chẳng những đức Thích-ca như vậy, mà đức Phật A-Di-Đà hiện thân vào thế-giới phương tây gây dựng pháp-tràng nói pháp độ chúng-sanh và đức Phật Dược-sư cũng hiện thân ở thế-giới Tịnh-lưu-ly phương đông nói pháp độ chúng-sanh thoát vòng khổ mà an hưởng cảnh Tịnh-độ hiện-thời hoặc các đời sau.

Nhưng xét đến chúng ta và các chúng-sanh nhiều kiếp nhân lại đây chịu khổ luân hồi chỉ vì sanh - tử ; vì sanh tử mà làm chúng-sanh, vì sanh tử mà đời trước làm trời nay trở lại làm người, nay hiện làm người mà sau lại làm trời, cho đến làm chúng-sanh, địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh ; cho nên chúng-sanh ba cõi rất lo sợ về sanh tử và cho sanh tử là một sự lớn lao khó giải-quyết nhất. Chỉ có Phật thoát ngoài vòng sanh-tử mới giải - quyết được mà thôi.

Vì cứu sanh tử cho chúng-sanh, nên trong thời-giáo của đức Thích-ca, ngài đều tùy căn-cơ của chúng-sanh mà nói pháp chia làm nhiều bậc . Ngài vì hàng nhân-thừa mà nói ngũ-giới, thập-thiện để đối-trị tội ngũ-nghịch, thập ác ; vì chư thiên mà nói 4 món thuyên, tám món định đối trị bệnh tán loạn ; vì hàng Thanh-văn Duyên-giac mà nói tứ-đế, thập nhị nhân-duyên để dứt trừ tham, sân, si, giải - thoát sanh tử ; vì các hàng Bồ-tát dạy tu lục-độ, vạn-hạnh để dứt trừ vô-minh-hoặc

và cứu độ chúng-sanh . . . Đó là Phật dạy phải tự-tu tự-chứng, nhưng chúng - sanh ở trong vòng tội lỗi ngu-si, bẽ trong đây hoặc-chướng tham sân, kiêu-mạn, bẽ ngoài bị nhiều tai nạn : đau ốm đói rách, hình phạt điên cuồng v. v . . . Trong khi sống mà tội lỗi tai ương như vậy, đến khi chết bao nhiêu tư-tưởng xấu đều phát khởi, cảnh-giới khổ đều hiện bày, khó ăn - năn kịp ! . . . Cho nên những người muốn luôn luôn hưởng cảnh an lành thì một là phải tự-lực tạo nhưn lành, hai là nhờ tha-lực hộ-tri mới đáng.

Mà tha-lực ấy là Phật.

Lâu nay phần nhiều chuyên lo về việc tiếp - dẫn vãng - sanh trong lúc lâm-chung, nên thường tụng kinh Di-Đà, niệm hiệu A-Di-Đà và công việc gì làm xong cũng cầu-nguyện khi lâm chung nhờ Phật tiếp-dẫn về cõi Cực-lạc phương tây.

Còn trong lúc sống thì chúng ta thường bị ngoại duyên làm náo - hại, không thể không nhờ Phật hộ-niệm màặng an-lành, nên nay xin nhắc lại đức Phật Dược-sư Lưu-ly Quang Như-lai là một đức Phật phát nguyện độ-sanh trong khi còn sống mà bị các tai-nạn. Nói đến đức Dược-sư tức là lược nói kinh Dược-sư Lưu-ly-Quang Như-lai bản-nguyện công-dec vậy.

Kinh Dược-sư này là một phương pháp ứng-dụng hiện thời ; chúng ta sanh ở cõi này, không luận hạng người nào cũng muốn sống lâu và muốn khỏi tai nạn để vui vầy ăn ở, thì cần phải nhờ oai-thần nguyện lực của đức Dược-sư giúp đỡ, để cải-tạo tâm lành, vượt vòng ác-kiến, ma-đạo mà tránh khỏi các tai nạn.

Kinh này là phương-pháp tạo thành cảnh Tịnh-độ. Các đức Phật đều phát tâm rộng lớn tu-hành cầu chứng Phật quả, phát - nguyện rộng lớn cứu-độ chúng-sanh, mà cảm thành thế-giới an-lạc như đức Dược-sư nói trong kinh này. Nếu chúng ta tu-hành và phát

nguyên độ-sanh như Ngài, một người tu như vậy cho đến nhiều người cũng tu-hành phat-nguyên như ngài thì cảm thấy hiện-tiền trong thế-giới ta ở bớt tai-nạn binh - đao cho đến không còn tâm độc ác giết hại lẫn nhau, ít người chết yểu cho đến sống lâu vô-lượng bớt tật bệnh, cho đến không còn nghe tiếng rên - rỉ than - vãn của kẻ nghèo khổ, tật nguyên v. v. tức thế-giới Cực-lạc đó vậy.

Vì vậy nên đức Phật Thích-ca mới nói kinh Được-sur Lưu-ly quang Như-lai bốn-nguyên công - đức này. Ngài Tam-tạng Pháp-sur Huyền-trang ở đời Đường dịch ra văn Tàu.

Kinh văn chia ra làm ba phần :

- A) Phần duyên-khỉ.
- B) Phần chánh-tông.
- C) Phần lưu-thông.

..

A) PHẦN DUYÊN-KHỈ

Một khi Phật với các đồ-chúng : 8000 vị Tỷ-kheo, 36000 vị đại bồ - tát cùng các vị quốc - vương, cư - sĩ, trời, người, ở trong thành Quảng-nghiêm, Phật theo lời thưa thỉnh của Mạng-thù-thất-Lợi (Văn-thù Bồ-tát) mà nói kinh này.

B) PHẦN CHÁNH-TÔNG

Đoạn thứ nhất ngài Mạng - thù - thất - lợi dùng sức đại trí cầu chứng Phật - đạo mà thỉnh Phật nói kinh này. Như trong kinh nói :

« Thưa Thế-tôn ! duy nguyện ngài vì chúng tôi mà diễn chủng loại danh-hiệu và bốn-nguyên công-đức thù-thắng của các đức Phật ».

Đoạn thứ hai ngài Mạng-thù-thất-Lợi phat-tâm đại-bi giúp ích cho vô-lượng chúng-sanh mà thỉnh Phật nói kinh này, vì

thế nên Phật đã khen : « Hay thay, hay thay !!! Mạng thù-thất-Lợi ! người vì lòng đại-bi dứt trừ nghiệp chướng trôi buoề cừu chúng-sanh và làm lợi-ích an-vui cho các loài hữu-tính về các đời tương-pháp sau này mà khuyến-thỉnh ta điể nói danh-hiệu và bôn-nguyện công-đức của chư Phật ! »

Vì bôn-y của Mạng-thù-thất-Lợi thừa thĩnh nên từ ấy sắp sau Phật vì Ngài Mạng-Thù và vì lợi-ích chúng-sanh đời sau mà nói rõ quốc-độ, bôn-nguyện công-đức của đức Được-Sư Lưu-ly-quang !

Phương đông, cách đây mười hàng-hà sa cõi Phật có thể-giới gọi là Tịnh-lưu-Ly rất trang-nghiêm tốt-đẹp; cung diện báu, 7 lớp hành cây, ao sen báu, nước bát công-đức v. . v. . . đều do 7 món báu tạo thành; thường thường tiếng nước chảy, tiếng chim kêu, tiếng cây rung gió thổi đều diễn bày các pháp tu-hành và cõi ấy không có đàn bà con gái, không có danh ác-đạo, hoặc người thọ khổ . . Tóm lại cõi ấy đều đủ các món công-đức trang-nghiêm không khác cõi Cực-lạc của Phật A-Di-Đà, nên Phật nói : « Cũng như thể-giới Cực-lạc phương tây đủ công-đức trang-nghiêm không sai khác ».

Và lại trong cõi Tịnh-lưu-Ly có hai vị Bồ-tát lớn : Nhứt-Quang biến-chiếu và Nguyệt-Quang biến-chiếu thường giúp đức Được-Sư hóa-độ chúng-sanh,

Thế giới Tịnh-lưu-Ly mà được trang - nghiêm như vậy là do Phật Được-Sư trong lúc tu Bồ-tát hạnh phát !2 lời nguyện tu mà được cảm thành :

1. — Nguyện ta khi thành đạo Bồ-đề, thân đầy đủ 32 tướng tốt hào-quang sáng khắp vô-lượng thể - giới khiến các chúng sanh cũng được như ta.

2. — Nguyện ta khi thành Phật, trong ngoài sáng chói hơn ánh-sáng mặt trời, tự tại làm Phật khiến các chúng-sanh ở chỗ tối-tâm cũng đều nhờ ơn khai - thị.

3. -- Nguyện ta khi thành Phật đầy đủ vô-lượng phương-tiện tri-huệ làm cho chúng-sanh đầy đủ các món thọ-dụng

nơi thân tâm.

4. — Nguyên ta khi thành Phật, nếu có các chúng-sanh tu theo tà-đạo đều xoay về chánh-đạo, hàng nhị-thừa thì đều xu-hướng về Đại-thừa.

5. — Nguyên ta khi thành Phật, nếu có chúng-sanh theo giáo-pháp của ta mà tu-hành thì đều được hoàn-toàn, dầu có phạm giới mà nghe đến tên ta cũng trở thành thanh tịnh-giới khỏi sa ác-đạo.

6. — Nguyên ta khi thành Phật nếu chúng-sanh thân-thể bèn-yếu xấu-xa, dui điếc cảm ngóng, một phen nghe tên ta, niệm tên ta thì được khỏi bệnh, lại được tốt đẹp không ngoan.

7. — Nguyên ta khi thành Phật, nếu các chúng-sanh không bà con quyến thuộc, nghèo thiếu ốm đau, không ai giúp đỡ, mà nghe được tên ta thì thân tâm yên lành quyến thuộc giúp đỡ cho, đến chúng-đạo Bồ-đề.

8. — Nguyên ta khi thành Phật, các người con gái thường bị hèn-hạ khinh dể, nếu nghe tên ta thì được bỏ thân con gái thành tướng-trượng-phu, cho đến chúng-đạo-quả.

9. — Nguyên ta khi thành Phật, thì các chúng-sanh thoát vòng ma-đạo ác-kiến, về nơi chánh-đạo, tu Bồ-tát-hạnh mau chứng Bồ-đề.

10. — Nguyên ta khi thành Phật, nếu chúng-sanh bị pháp-vua trừng-trị, trói buộc, đánh đập, giam ngục tối, cắt xẻ v.v. mà nghe tên ta thì đều thoát khỏi.

11. — Nguyên ta khi thành Phật, những chúng-sanh bị đói khát cầu ăn mà tạo nghiệp dữ, nếu nghe tên ta chuyên niệm thọ-ai thì ta trước hết cấp cho món ăn được no đủ, sau nói pháp khiến tu-hành được hoàn-toàn an-vui.

12. — Nguyên ta khi thành Phật, những chúng-sanh nghèo không áo mặc, muỗi lảng chích đốt, khó trừ nóng lạnh, ngày đêm khổ-sở, nếu nghe tên ta chuyên niệm thọ-tri thì ta theo tâm mong cầu ấy khiến được đầy đủ y-

phục, hoa-hương.

Đó là lược kể bốn-nguyện của đức Dược-sư còn bao nhiêu công việc tu-hành không thể nói hết, nên Phật nói : Đức Phật Dược-sư Lưu-ly-Quang Như lại kia trong khi tu Bồ-tát-bhệ phát đại-nguyện và công-đức trang-nghiêm của cõi Phật kia, ta dầu trong một kiếp, hơn một kiếp không thể nói cùng được.

Vì nguyện-lực như vậy, công-đức tu-hành như vậy, nên hễ chúng - sanh ngu-si không tin thiện ác như quả, tâm thường xan-lẫn, không bố-thí cho ai, nếu có thí chút ít thì tâm đau tiếc như dao cắt xẻ thân phần . . . nhưng đã từng nghe danh - hiệu Dược-Sư thì dầu ở trong đường khổ cũng đáng chuyển sanh cõi người mà tu-bhệ bố-thí, dầu bỏ thân mạng cũng không thương tiếc.

Hoặc các người phá giới-luật, oai-nghi, tâm kiêu-mạn bài-bát chánh-pháp sẽ dọa trong ba đường dữ, nếu nghe tên Dược-Sư tức thì bỏ các hành xấu-ác mà tu theo chánh-pháp . . cho đến chúng-sanh muốn sanh cõi trời, sanh làm chuyển-luân-thánh-vương để đem thập-thiện dạy đời, muốn tiêu-trừ bệnh-tật, thọ-mạng lâu dài; nếu nghe danh-hiệu đức Dược-Sư, chuyên tâm tri-niệm kinh chú, hoặc tạo tượng Dược-Sư, dâng cúng hoa hương tươi tốt, tịnh tâm tri-tụng kinh chú, đốt 49 ngọn đèn, hoặc chũ vào trong vật uống ăn của người bệnh cầu chú Dược-Sư quán-đảnh chơn ngón 108 biến để cho họ dùng; mà nhất là trong 49 ngày ấy phải nhất tâm thọ-tri 8 món giải-trải, thân thường sạch-sẽ, tâm thường vui-vẻ, đối với các loài chúng - sanh khi tâm từ giúp - đỡ, khi tâm bi cứu-vớt, khi tâm bình-đẳng bố - thí cho các loài hữu - tính, không làm tổn hại một chúng - sanh và không khi nào giận hờn . . . được như vậy bề trọng tự mình đã xoay-dối được tâm tàn - ác độc - hại thì bao nhiêu tai - chướng những cảnh khốn-khổ đều theo tâm ấy mà chuyển thành cảnh giới toàn-thiện, toàn-mỹ; hằng ngày lại được các vị thiên-thần ủng-hộ và nhờ oai-thần nguyện-lực của Phật Dược - sư mà cầu lành bệnh, cầu sống lâu đều thỏa ý - nguyện. Vì rằng đức Phật

Được - Sư Lưu - ly - Quang đã trải qua nhiều kiếp phát đại-nguyện độ - sanh, tu Bồ - tát-hạnh, trong thời - gian lâu xa ấy. Ngài dứt sạch những nghiệp-chướng báo-chướng và phiền-não-chướng làm một vị Pháp - vương, không bị sự gì làm nã-núng; những nguyện độ-sanh luôn luôn kháng-khít, nên tùy ý sanh vào những cảnh khỗ, tối-tăm làm một vị lương-y dùng các vật dụng cứu chúng-sanh thoát vòng thân-bệnh, nói pháp - mầu để cứu chúng sanh ra ngoài vòng tâm-bệnh ... nên mặc dầu số chúng-sanh cầu - nguyện mà nguyện-lực của Phật vẫn trùm khắp tất cả.

C. — PHẦN LƯU-THÔNG.

Khi Phật nói kinh này rồi cả thỉnh-chúng Bồ-tát, Tỳ-kheo .. đều vui mừng và vâng giữ.

Chú Được-sư quán-đảnh chơn ngôn :

Nam - mô bát già phạt đế, bệ sát xã, lữ rô trịch lưu ly bát lật bà, hát ra sá già, dất tha yết đã da, a ra há! đế tam miệu tam bột đã da, dất diệt tha. Ứm bệ sat the, bệ sat the, bệ sát xã, tam bột yết đế, ta ha.

VÔ-TƯỜNG

Trung-Học trường Phật-Học, Huế

PHẬT - PHÁP

với

THÂN - BỆNH

Nói về vấn-đề Phật - pháp với thân-bệnh này, chúng tôi có hai mục-dịch : trước là đề cống-hiến cho nhiều người hiện-đại đang tìm-kiếm cách chữa thân-bệnh, một phương thuốc rất thần hiệu, mà không tổn hao tài-lực mua tìm, ai cũng có thể tìm được. Sau để phá sự hiểu lầm rằng Phật-pháp không quan hệ với thân-bệnh, vì nhiều người có thành-kiến Phật-pháp với lối ăn chay, với nhiều kỷ-luật chỉ là một lối tu ép xác cốt mong làm cho mau thoát khỏi xác thân người để lên hưởng phước ở cõi nào viễn vông. Sau khi nghe lời tôi giảng-giải, chắc các bạn sẽ nghiệm thấy vẫn có quan-hệ với sự chữa thân-bệnh ; nhưng Phật-pháp không phải chỉ có thế, Phật-pháp còn có mục-dịch cao-siêu vô-cùng là muốn giúp người đạt được xu-hưởng tối-cao của mình là thoát tất cả mọi sự đau khổ, được bốn đức : thường, lạc, ngã, tịnh.

Vậy trong lúc lấy Phật pháp điều-trị thân - bệnh-cũng rất mong các đạo-hữu sẽ suy rộng ra cho cùng tốt thì sự ích lợi lại càng được nhiều lắm.

Cách sanh-hoạt của thời-đại xưa thì thế nào ? Xưa vua Hoàng-đế hỏi Kỳ-bá : Tôi nghe nói người đời xưa thọ ngoài trăm tuổi mà sức khỏe chưa thấy giảm ; trái lại người bây giờ tuổi chừng nửa trăm mà sức khỏe đã suy kém, xét tại thời-thế mà khác xưa hay tại người ta tự làm mất sức khỏe ấy. Kỳ-bá trả lời : Đời xưa những kẻ tri đạo theo lý âm dương dựng hòa thuật số, ăn uống có tiết-độ, thức ngủ có chừng mực,

không làm gì quá sức khỏe, bởi thế nên hình-thể cùng tinh-thần đều mạnh, thọ đặng trăm tuổi mới mất. Trái lại người bây giờ không thế, coi rượu như nước, coi mệt nhọc làm thường, làm hao-tán hết nguyên - chân, làm trái lẽ sinh-hoạt, bởi thế nên tuổi mới nửa trăm mà sức khỏe đã suy kém.

Xét Kỳ-Bá trả lời Hoàng-đế rất đúng, nhưng ta nên biết : Hoàng-đế trước Thiên-chúa mấy ngàn năm, mà đã than phiền là người bây giờ mất vệ-sanh, đủ biết người đời xưa khỏe lắm và thọ lắm. Thì ta thử xem xem tại sao ông cha trước đây khỏe hơn ta nhiều.

Thưa các đạo-hữu ! lối sanh - hoạt của người đời trước rất sơ-sài, đơn giản ; họ sống trong đời sống phong tục thuần hậu không bị lối sanh-hoạt phiền-phức như hiện thời chi-phối, họ sống trong đời sống thanh-tâm quả-dục. Lối của thanh-tâm quả-dục đó là tinh-thần của sanh-lý-học mà chính là lối sống của người tu-hành.

Vậy hiệu bệnh của người đời do lối sống không đơn giản làm nhưn-duyên chánh, muốn trị bệnh đó, tôi xin đem vị thuốc « như đạm » trong y-học nhập môn về thiên bảo dưỡng vi-quân để điều trị. Cái tánh chất nó là ăn theo lối đạm-bạc. Đại-y vị danh y nghiên-cứu ra vị thuốc đó là : người ta ở-dĩ được mạnh-khỏe là nhờ tinh-huyết đầy-đủ, muốn cho tinh - huyết đầy-đủ không gì bằng ăn đồ thanh-dạm vì chất đạm là chính chất bổ tỳ rất thích-hợp (đạm giả, thể chi chính vị). Nhưng vị cam đạm phần nhiều rất bổ. Phục-linh, chính-hoại, kiếm-thực, liên nhục đều là vị cam-dạm mà rất bổ. Như phục-linh thì yêu hồn-phách, định kinh-quý, bổ ngũ tạng, lại có công lợi-thấp ; còn chính-hoại, kiếm-thực, liên-nhục đều là vị thuốc bổ tỳ thận, ích-khi cố-tinh cả. Vị danh-y đó lại nói : những vị cam đạm như thế rất thích-hợp cho người vô bệnh muốn bổ tinh-huyết, chứ không phải bổ bằng những vị quá hậu

nó chỉ là thuốc chữa bệnh. Vì đó lại nói : trong đồ ăn thanh-dạm như cơm, rau, dấm, muối . . . đã đủ năm vị ngọt, đắng, mặn, cay, chua rồi, bởi thế nên vị lấy lý luận « thiên thực nhân giai xung - hòa chi vị » công kích những người đã ngộ-dụng câu nội-kinh « tinh bất túc bổ chi dĩ vị » đem những đồ quá hậu làm đồ thực-phẩm thay những đồ thanh-dạm làm thiên-thăng âm dương, tặng phủ làm mất tuổi thọ của người, làm trái vị chí của thánh-hiền.

Ăn dạm-bạc để bổ tinh-huyết ư ? Thật thế đó, thưa các đạo hữu a ! Chúng ta đã kinh nghiệm sau bữa ăn cao-lương nghe Phật-pháp không minh-mẫn bằng sau bữa ăn thanh-dạm. Đủ biết rằng vị cao - lương có cái hại kích-thích tinh thần biết là dường nào. Sách Thối-miên cũng đem khoa học ra chứng : một miếng thịt nấu chín phân-tách ra chỉ toàn chất độc. Y-lý Đông-phương cũng căn-dẫn : đừng nên ăn đồ cao-lương vì nó động vị-hỏa tích thấp-nhiệt. Phật dạy sự ăn chay không những để phát khởi lòng từ-bi, mà có lẽ còn là muốn cho thân-thể được vô bệnh, tinh thần được minh-mẫn để theo đuổi một mục-đích là công việc học Phật rất nặng nề to lớn.

Người đời nay mỗi khi nghe nói đến hai chữ ăn chay thì đã khiếp vía, tưởng chừng thân mình đây đây biết bao hạnh phúc sẽ bị ép xác vì ăn chay, thật làm biết là bao ! Vậy ta nên đem những đồ ăn mà nhà chùa thường dùng là các thứ đậu, phân tách các chất bỏ ở trong theo khoa học cho họ nghe. Khoa-học nói : trong các thứ đậu rất giàu chất đạm là chất rất cần cho cơ-thể người ta. Như thế thì một môn ăn chay của đạo Phật rất thích hợp với khoa sanh-lý-học đông và tây. Vậy muốn đối trị với bệnh hiện thời, phải dùng vị thuốc ăn thanh-dạm vi-quần mà ăn thanh-dạm tức là Phật-pháp, tưởng không quần thì cũng là thân, cái đó xin các đạo-hữu tùy cơ ứng dụng.

Người đời lại tưởng rằng người tu hành chỉ cần

có cái sức khỏe nhứt nổi đời mỗ, lại như ý họ tưởng thì muốn có sức khỏe chỉ cốt ở thể-thao. Nhưng thưa các đạo-hữu, hiện nay biết bao người đang mang biết bao bệnh nội thương, Những người ở trong vô bệnh là những người tinh - thần đầy-dủ, họ không sợ những công việc lớn làm hằng đời người, họ không sợ những trở-lực lớn làm trở ngại chí họ. Các đạo-hữu chừng đã nghiệm: có người ta vừa trông họ đã sanh lòng kính phục; một cái nhìn, một tiếng nói của họ là như ghi khắc mệnh lệnh vào tâm trí ta, chừng như lời nói của họ chuyển-di được tri-hướng ta, cử-chỉ của họ cảm hóa được tâm-hồn ta, lại có người không những họ có cái mãnh-lực thiêng-liêng bí-mật như trên, họ lại chuyển-di được vật-chất, chuyển-di được mọi người cử-động theo như ý muốn của họ. Cái mạnh của hạng người này là cái mạnh hoàn-toàn, vì họ đã có vị thuốc điều-trị những bệnh nội thương của tạng phủ. Những người có thuốc ngoại-cảm mà nếu không có thuốc nội - thương, đó thì một ngày kia ta sẽ thấy họ nằm trên đường bệnh đau tim, đau phổi đau thận bởi sự hơi lạm-dụng sức khỏe bằng một việc hay một thú vui gì.

Vị thuốc bổ trị nội-thương đó là gì ? Thưa các đạo-hữu là vị thuốc « tịnh-tọa » trong Y-học Á-đông mà tôi định đem nó vi-thần. Công dụng của nó thì nhiều lắm, nhưng vì đối với tình-trạng số bệnh-nhân nhiều và đối, cổ nhiên giá nó là cao, nên tôi tùy-nghĩ đem nó vi-thần. Ngủ tạng có bệnh gì nó đều chữa hết. Nội-kinh (sách thuốc) có nói : tịnh chi nhất tự nữ tâm trung chi thần thủy; ý nói tịnh là thần-thủy của tâm. Ông Hải-thượng, một nhà danh y ở nước ta đã kinh-nghiệm rằng : « diên niên bất lão tâm tịnh nhĩ dĩ hỷ » nghĩa là được sống lâu không già, chỉ vì tâm được tịnh mà thôi. Vệ-sanh-tập của Tàu có nói : tâm tịnh tắc khí quy tâm nghĩa là tâm tịnh thì khí về tâm (được điều hòa).

Đời có người có bệnh mà sợ thuốc đáng không muốn

uống, mặc dầu cứ ước-ao cho khỏe-mạnh. Vị thuốc uống cho tâm tịnh đây cũng là một vị đắng vô-hạn ; nhưng thuốc đắng hay đã tật. Cái bệnh tâm không tịnh có cái hại lắm. Tâm đã không tịnh thì có mạnh đâu : mỗi khi bị ngoại cảnh cảm-dỗ là đã bị lung lạc rồi ; mà ở đời ngoại-cảnh thiếu chi. Mấy món tài, sắc, danh đã làm cho biết bao người lo ngày lo đêm, chạy ngược chạy xuôi, mất ăn mất ngủ. Tâm đã bị ngoại-cảnh sai sử thì không một khắc nào là không rong-ruổi ; đời người trong khoảng 60, 70 năm bị mòn mỏi vì dục vọng xằng-xiêng mà đến chết cũng vẫn chưa xong. Thường lúc nhiều lo lắng ta nghiệm thấy mình gầy, lắm lúc tóc đầu bỗng phần nhiều hóa bạc. Cho nên y-lý Đông-phương có nói : đa-tư khi huyết suy là thể. Tâm tịnh là một điều cần thiết cho các nhà sanh lý học, mà cũng là một điều cốt-yếu cho những người tu hành theo đạo Phật. Được tâm tịnh tức là được một sức mạnh vô song, nhưng tâm tịnh là một việc rất khó. Cái bệnh trầm trọng chữa nó cũng phải lần lần. Muốn cho tâm được tịnh, ban đầu ta phải nương theo một phương pháp thông dụng nhất là phương pháp hờ hấp. Ở đời Phật ngài A-nâu-lâu-đa vì tâm tán-loạn nên Phật dạy cho cách tu quán hơi thở, chỉ trong 21 ngày mà được ven-thơng. Ở đời ta bây giờ không mong gì quán hơi thở mà được như thế, ta chỉ trông sao vì một phương tiện đó mà tâm được an-tịnh. Không nói đến sức mạnh mà ta có mỗi khi tâm được an-tịnh, chính mỗi hơi thở ta chuyên chú cũng đã ích lợi vô cùng. Vì sao ? — Dường khí vào với huyết đến hóa huyết đỏ, huyết ấy hóa thành tinh tinh hóa thành khí, khí hóa thần, trong mục Tọa-thiền của ông Thiền-Chửu đang Huộc-luệ, ông có thuật những sự ích-lợi của công phu tịnh-toa hờ-hấp nó đem ông ra khỏi những bệnh hèn nghèo. Cách đây chừng sáu năm, tôi có quen một người bạn anh kể chuyện với tôi rằng : anh bầm thọ liên thên bất lúc, bao nhiêu bài thuốc bổ đã dùng nhiều mà vẫn vô-hiệu ; với phương-pháp

tĩnh-lọa hò-hấp anh đã cải tạo được đời đau-khổ của anh. Tôi lại thấy cách ngồi niệm Phật trong quyển « Bước đầu tin Phật » tác-giả dung-hòa sự điều-hòa hơi thở với tiếng niệm Phật tức là chỗ tác giả đã biểu-lộ chỗ nhất tâm niệm Phật bất loạn, cũng căn cứ trên chỗ định bằng hơi thở đều hòa. Đến đây tôi muốn biểu-lộ sơ qua cái sức mạnh của tâm được định-tĩnh một ít ; đời xưa những người trung - thần hiểu tử vào sanh ra tử mà thành công được dễ dàng cũng là nhờ sức mạnh của tâm đã ấn định một mục-đích lâu ngày. Các vị thánh hiền đời xưa như Khổng-tử, Mạnh-tử đều đã nhận được sức mạnh của bất động tâm, sức mạnh của hão-nhiên chi khi.

Cách làm cho tâm định như thế đạo Phật gọi là tọa-thiền. Như thế thì sự tọa thiền của đạo Phật đã bao hàm trong pháp tĩnh tọa của nhà sanh-lý học. Vậy nên tôi đem vị thuốc « tĩnh tọa vào phương thuốc Phật-giáo với thân bệnh » để chữa bệnh nội-thương tưởng cũng không phải không có lý ; sự dụng nó các đạo hữu nên tùy bệnh cần nhắc nhiều ít mà thôi.

Bài thuốc này hãy còn một vị nữa, vị này nó điều-hòa hai vị trên làm cho hai vị ấy được thêm phần công dụng, không có nó không được. Tôi đem nó vi-tả. Tên nó gọi là « đoạn phiền - não ». Vị thuốc này có những công - năng gì ? Thừa các đạo - hữu, những bệnh nan-y theo y-lý A-đông dạy không những nên theo những môn bảo-dưỡng (như hai môn trên) lại còn phải tu tâm tu tánh nữa thì mới mong có cơ khả cứu.

« Đoạn phiền não » là ta đừng nên quá đề cho tình-cảm lay-động và các niệm xằng xiên làm não-loạn. Ta hãy đọc mấy câu thơ trong Y-học-nhập-môn thì ta sẽ biết sự quan-hệ của cái niệm xấu ra sao : « mộng-di chi bệnh loạn thuộc tâm, tương-hỏa nhất động tẩu tinh cảm. Bất tín vô mộng nhi duy giả, niệm đầu nhất động tinh liện trầm . . . » (nghĩa là : bệnh mộng-di-tinh tại

bởi tâm, theo luôn tướng-hỏa tiết tinh trâm. Chẳng tin không mộng mà di đó, sắc-niệm vừa thôi tinh đã trâm) Tinh là một vật quý báu trong người ta (vì nó hóa ra khi ra thần) mà chỉ vì một niệm tư sắc đã bị ly-cung ; đủ biết khởi một niệm bậy là ta đã tổn-thương rồi. Không những một niệm mà như vậy, mà đến vui, giận, lo, sợ, buồn, đều làm thương-lỗi tâm tạng người ta. Y-lý Đông-phương có nói : đa hỷ thương tâm, đa nộ thương can, đa tư thương tỷ, đa bi thương phế, đa khùng thương thận Trong tâm tạng người ta tâm là ông vua chủ-lẽ, nếu không giữ tâm cho được an-tĩnh thì mất quyền tự-chủ, mất quyền tự-chủ thì quan trọng, quan ngoài đều được phóng túng, mà đã phóng-túng thì chiêu-họa ngay. Ví-dụ như tâm không tự-chủ được sự bất-bình thì can-khi nổi lên, hư-hỏa bốc Vì vậy nên người nào hay xúc động đến can khi thì thường khi hay bị ầu-huyệt Cái hại đa nộ đã vậy, cho đến cái hại đa hỷ, đa tư, đa bi, đa khùng cũng đều bởi tâm không được thái-nhiên. Muốn giữ cái tâm cho được thái-nhiên để đối trị cái họa bị ngoại-cảnh xô đẩy, là không thiếu chi sách. Ta hãy đọc lời ông Quảng-thành-lữ nói với vua Hoàng-đế : chi đạo chi tinh, yểu yểu minh minh ; chi đạo chi cực, hôn hôn mặc mặc ; vô thị vô thính, bảo thần dĩ tịnh ; thần tương tự chính, tất tịnh tất thanh, vô lao như hình, vô dao như tinh, nữ khả dĩ trường-sanh nghĩa là cái tinh của chi đạo là không thể suy tìm, chỗ lọt của chi-đạo là không thể nói phò ; đừng nên thấy đừng nên nghe , ôm thần cho lặng ; thần muốn cho chính phải là thanh tịnh ; đừng nên làm cho nhọc hình ông, đừng làm cho dao-động tinh ông, thì mới trảng sanh

Về lối đoạn phiền não của đạo Phật thì có thể nói hai chữ tịch mặc. Tịch nghĩa là không bị sự khổ vui lay động. Mặc là không bị sự phiền não nhiễu loạn. Phục được tâm tán loạn thì tâm thái-nhiên an-tĩnh, lẽ

tất nhiên là tránh được cái hại của thất-linh xúc-động nó làm ô-nhiễm tâm-tánh, và lại tránh được những bệnh nội thương phát-khởi. Thiết tưởng phúc được tâm tánh là một sự khó, nhưng chắc các đạo-hữu đã biết cái tánh cách của vị « đoan phỉền não » quan hệ như thế nào rồi. Vị thuốc mà đông y dùng để chữa những chứng nan-y, và đạo Phật dùng làm căn - cứ để dạy đệ-lữ tu-hành phá tan ngũ âm, giải thoát nghiệp-duyên, nên tôi đem vị thuốc đó vào thang « Phật pháp với thân bệnh » trộm nghĩ không phải không đúng.

Lại ai cũng nghiệm rằng : khi làm một việc lành thì tất ta sung sướng hoan hỷ, làm cho ta ăn ngon ngủ khỏe mình ta được khoan khoái nhẹ nhõng ; khi làm một việc gì ác thì ta năn-năn hối-hận bối rối lo nghĩ. Như thế thời làm lành là làm cho mình khỏe-mạnh mà làm ác là làm cho mình yếu-hèn. Đến như khi niệm niệm lành dữ cũng thế, sách Nho có nói một niệm lành là cảnh tượng tương phong hòa khi hiện ra ; một niệm ác là cảnh tượng yếu - tinh lệ - quĩ hiện ra. Cảnh lành là cảnh làm cho người ta được vui-sướng, cảnh dữ là cảnh làm cho người ta khổ-nhục.

Vậy những việc làm thiện là những ông bạn tốt làm cho ta dục-vọng, đưa ta lên con đường hạnh-phúc của sức khỏe vô bệnh cũng như những lời cầu nguyện chỉ thành trước bàn Phật : thế thành chính giác, thế độ chúng-sanh . . . nó sẽ đưa tâm-hồn ta lên cõi hư-không bao trùm lấy thiên hạ, làm cho thân ta được vui-vẻ mà khỏe-mạnh. Vì sao thế ? - Sau khi đọc một vài trang sách nghĩa lý, lời-lẽ hùng hồn, các đạo - hữu tất nhiên sống với tâm-hồn đầy dẫy cảm. Sách Thôi-mến nói : đọc sách lời-lẽ mạnh-mẽ để thêm nhân-diện cũng là lý đó mà thôi. Vị thuốc này gọi là « hành thiện ». Vì người đời hay quá háo-động nên cần chặm chế gia vào « vi-sử ». Và người đời không làm lành tất làm dữ, nhất là người tánh-khí háo-động như phần nhiều người đời nay. Vậy làm việc lành là một điều cần để

giữ thân-thể an-lành tốt đẹp. Vậy vị thuốc « hành-thiện » này gia vào để tùy-trị căn bệnh « hao-động » của người đời nay tưởng cũng nên lắm.

Tôi tự nghĩ : cách dùng thuốc của tôi, quân, thần, á, sử hơi lộn xộn, nhưng thừa các đạo-hữu, hiện đời này giờ phải uống như thế. Tôi tạm đem phương thuốc Phật - pháp với thân bệnh, tạm thí-nghiệm trong một thời - gian, vì theo tôi thì : vị thuốc thực - đạm theo thời giá người ta có thể uống được nhiều; nên dễ làm quân, vị linh-lõa công nó mạnh nên phải dùng làm thần ; còn vị thứ ba là « đoạn-phiên-não » tánh nó hòa-hoãn dễ làm tá; vị hành-thiện tánh nó kích-thích dần-dược dùng dễ làm sử.

Chúng ta vẫn biết rằng thật ra Phật-pháp không phải chỉ là dưỡng-sanh, đó chỉ là một cái ngọn trong muôn ngàn cái ngọn, nhưng đối với tình-trạng bệnh-thần hiện thời ai ai cũng ước ao có một phương thuốc để cứu cái đời sống đa bệnh, yểu-trát, chúng ta phải đem ra ứng-dụng chứ biết sao ! Đó là sở-nguyên của tôi. Mong các Đạo-hữu hoặc thang, hoặc toản, bảo-chế cho tinh - khiết bá phát bá trùng để lem thiên - hạ lên xuân - dài, thọ - vức mà vui-hưởng phúc chung thái - bình thịnh - trị trên nền văn - minh vật-hóa.

Nam-mô Dược-sư Lưu ly Quang-vương Phật

NGUYỄN-NĂNG-VIÊN

PRATIQUE DE LA MÉDITATION

(Suite)

S'imaginer dans une grande foule entourée de paix demeurant en paix, inondée de paix et alors se voir soi-même environné de paix, se sentant absolument paisible, dispensant la paix dans ses pensées, ses paroles et ses actes à toute créature et être qui vit et respire. Il faut se souvenir de cette image mentale.

Voir la foule se déplaçant, observer attentivement les êtres, les voir environnés de paix, demeurant en paix, la paix ruisselant en eux et au travers d'eux et rayonnant dans les pensées, paroles et actes de toutes créatures qui vivent et respirent.

Tout cela vous devez l'imaginer, le sentir, le savoir étant conscient de cette paix à laquelle tout respire. Ne voir que la paix partout, en toute chose, en toute personne, la paix en toute créature ou être qui vit et respire. La paix dans tout l'Univers.

Nul n'est responsable de ce que les autres disent ou font, tout ce que l'on doit sentir et voir est la paix en eux qu'ils le sachent ou non. En le sachant, le sentant et arrivant à reconnaître que la paix est là, profondément cachée en eux, on est par cela même libéré des pensées, paroles et actes de paix qui nous entourent, on est le maître de ce que l'on ressent ou ne ressent pas, on dirige ses sentiments par sa pensée.

Agissant ainsi on facilite la méditation, car on aura par cet entraînement cultivé l'attention juste et la concentration sur l'idée de paix.

Un plan a été établi pour résumer les conseils du Samana Mahinda, il est utile de le suivre textuellement. Il peut servir de type pour établir un plan sur d'autres

J'expire brièvement (comptant vite).
1, 2, 3, 4, 5.

J'expire brièvement) 10 fois
Respirez normalement)
Observez la respiration) 30 secondes.

Arrêtez la pensée :

Pensez paix : Je suis la paix.

Entouré de paix.

Arrêtez la pensée :

Pensez paix : Je suis la paix.

Entouré de paix,

La paix m'abrite.

La paix me soutient.

La paix est en moi.

Cette paix est mienne.

Tout est bien. (15 secondes entre chaque phrase).

Paix à tous les êtres. Paix entre tous les êtres.

Paix venant de tous les êtres Je suis pénétré de paix

Saturé de paix. Absorbé dans la paix.

(15 secondes entre chaque phrase).

Arrêtez la pensée, observez la respiration.

(15 secondes)

Construisez une image de vous même

Chez vous

Ayant des pensées paisibles, des paroles paisibles,
des actions paisibles. (30 secondes).

Observez-vous comme si vous étiez une autre personne

Dehors.

Dans la rue, à votre travail, ayant des pensées paisibles, des paroles paisibles, des actions paisibles.

Arrêtez la pensée, observez la respiration (15 secondes).

Revenez en arrière.

(à suivre)

TIN TỨC

Hội-viên từ trần

Tên và họ	Làng	Tỉnh	hạng Hội-viên	từ trần ngày
Nguyễn nhuận Trạch,	Sơn-hải	Ninh thuận.	V.V. Tùy hỷ	5-1-42
Nguyễn thị Sang,	Thái giao	»	» V.V. Thiệt hành	8-1-42
Võ Lương,	Tân xuân	»	» Thiệt-hành	27-1-42.
Trần văn Thâu,	An xuân	»	» Tùy hỷ	30-1-42
Nguyễn thị Nôm,	Phước đức	»	» Tùy hỷ	—.
Phan thị Thũ,	Kinh dinh	»	» Thiệt hành	11-3-42.
Đinh thị Phú,	Đắc nhơn	»	» Tùy hỷ	21-3 42
Trần nhiều,	Mông đức	»	» V.V. Tùy hỷ	1 4-42
Hà thị Mẫn,	Đỗ vinh		Thiện tín	4-4-42.
Lê thành Danh.	Trị thủy	»	» Thiệt hành	13-4 42
Nguyễn hữu Danh,	Dương xuân hạ	Thừa thiên,	Thiện tín	28 4-42
Lê văn Bình,	An xuân	Ninh thuận,	Tùy hỷ	6-5 42.
Bùi thị Liên,		Dran	Tùy hỷ	7-5-42.
Phạm thị Nghĩa,		»	» V.V. Tùy hỷ	8-9-41.
Nguyễn hữu Bui.		»	» Tùy hỷ	30-6-41.
Trần Lộc,		»	» Tùy hỷ	19-9-41.
Đặng thị Thuận		Dalat	Tùy hỷ	5-7-41.
Trương thị Xế,	Phú lộc	Khánh hòa,	Thiệt hành,	8-12-41.
Lê văn Khánh,		Bình định	Thiệt hành	19-12-41.
Phạm Hành.		Qui nhơn	Thiệt hành	18-12-41.
Trần trung Châu,		Djiring	Thiệt hành	1941.
Nguyễn Điền,		Djiring	V.V. Tùy hỷ	27-12 41
Nguyễn thị Quyên,	Văn giang	Thừa thiên	Tùy hỷ	3-2-42.
Võ Đạn,		Quảng nam,	Tùy hỷ	5-2-42.
Mai văn Chí,		Dalat	Thiệt hành	21-2-42.
Dương thị Thích		Thừa thiên	Tùy hỷ	2-3-42.
Đặng hữu Quế,		Tourane	Thiệt hành	12-4-42.
Lê thị Tăng,		Tourane	Thiệt hành	19-5-42
Phan văn Kính,	Lương can	Phanrang	Thiệt hành	2-6-42.
Nguyễn thị Giá.	Kinh Dinh	Phanrang	Thiệt hành	3-6 42.
Võ Sơn,	Mông đức	Ninh thuận	V.V. Tùy hỷ	29-6-42.

ĐÍNH-CHÀNH

Số Viên-âm 48

- Trang 5, giọng 9 : « các pháp ta nhận biết đều đối đãi . . . »
xin đọc là « các pháp ta nhận biết đều đối đãi . . . »
giọng 12 : cho đến núi cao, cỏ thấp . . . »
xin đọc là : cho đến núi cao cỏ thấp . . . »
- Trang 7, giọng 8 : « biết lẽ thứ nhất như thể tức toàn giác ngộ . . »
xin đọc là : « biết được lẽ thứ nhất : « Như thể tức nhất, như thể
tức như thể » tức toàn giác . . . »
- Trang 9, giọng 1 : chính là một phép quán-quán duy-tâm »
xin đọc là : « chính là một phép quán duy-tâm »
giọng 28 : « với tâm có nước chắc đầu đã có »
xin đọc : « với tâm có, nước chắc đầu đã có như chúng ta thấy »
- Trang 11, giọng 11 : « phần này đến lý duy-thức (manifestation)
xin đọc : « phần này đến lý duy-thức sẽ nhận rõ »

Số Viên-Âm 49

- Trang 5, giọng 1 : « màu xanh hình thuận là do . . . »
xin đọc : « nơi cái lá, màu xanh hình thuận là do . . . »
giọng 27 : « 7) Đồng-dị-nhơn : . . . »
xin đọc : « 7) Định-dị-nhơn : . . . »
- Trang 6, giọng 24 : « 7) Đồng-dị-nhơn . . . »
xin đọc : « 7) Định-dị-nhơn . . . »
giọng 27 : « chứng-tử tham và sân »
xin đọc : « chứng-tử tham và sân »
- Trang 7, giọng 3 : 10) « Bất-vi-tương-nhơn : . . . »
xin đọc : « bất tương-vi-nhơn : . . . »
- Trang 16, giọng 5 : như nhầy mùa, đốt pháo bông v. v . . .
xin đọc : « như nhầy mùa, đốt pháo bông v. v . . . »

PHẬT-GIÁO XỨ AI-LAO

Muốn biết thêm về Phật-giáo ở xứ Lào, chúng tôi có đến thăm chùa Sisaket của hòa-thượng Takhamkeo là một vị đại-đức ở gần Vatphrakeo. Về vấn đề này thầy Taich-thiện-Hòa có khảo-cứu rõ, xin trích trong bài tường-thuyết của thầy :

« Chùa Sisaket gồm có chùa thờ Phật (trang 16) . . . »

. . . là một gương sáng chúng ta phải noi theo » (trang 20)

Trang 27, giọng 28 : « j'aspire longuement »

« j'aspire brièvement »

xin đọc là : « j'aspire longuement

« j'expire longuement

10 fois

« J'aspire brièvement

« j'expire brièvement

10 fois